

Số: 101/TB-UBND

Trung Vương, ngày 03 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023.**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

UBND phường Trung Vương thông báo niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023.

- Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Trung Vương, trang diện tử của phường, Cổng thông tin điện tử của Thành phố.

- Thời gian niêm yết: 30 ngày từ ngày 04/9/2023 đến 03/9/2023

- Nội dung niêm yết: Về số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023.

UBND phường Trung Vương gửi thông báo đến 10 khu dân cư và phát trên hệ thống loa truyền thanh của phường 02 buổi/tuần công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy (B/c);
- TT HĐND phường (B/c);
- 10 khu dân cư;
- Lưu VP, TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quảng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRUNG VƯƠNG**

Số: 225/QĐ-UBND

Mẫu số 04/QĐ-CKNS
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung Vương, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của UBND phường Trung Vương.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRUNG VƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Xét đề nghị của bộ phận Tài chính - Kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của UBND phường Trung Vương theo các biểu kèm theo Quyết định

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - kế hoạch(b/c);
- Đảng ủy phường (b/c);
- TT HĐND phường(B/c);
- Các đoàn thể - chính trị - xã hội;
- 10 khu trưởng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quảng

P. Trung Vương, ngày 04 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH

Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND phường Trung Vương khóa II, kỳ họp thứ năm về phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2023; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 30/03/2023 của HĐND phường Trung Vương khóa II, kỳ họp thứ 7 về phê duyệt điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách và đầu tư XDCB năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của phường về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2023; Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của phường về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách và đầu tư xây dựng năm 2023,

UBND phường đã phân bổ dự toán ngân sách đồng thời có biện pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện, kết quả thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 đạt như sau:

I. Kết quả thu ngân sách

1. Thu ngân sách nhà nước

- Chỉ tiêu KH thành phố giao: 26.962.000.000 đồng
- Chỉ tiêu KH HĐND phường giao: 41.672.000.000 đồng
- Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2023: 37.736.843.659 đồng

Tổng thu ngân sách Nhà nước thực hiện đến hết tháng 9/2023 đạt 37.736,8 triệu đồng, bằng 139,96% KH Thành phố giao, bằng 90,56% KH điều chỉnh HĐND phường giao, bằng 187,0% so với cùng kỳ.

2. Thu ngân sách Phường:

- Chỉ tiêu KH thành phố giao: 9.178.240.000 đồng

- Chỉ tiêu KH HĐND phường giao: 23.037.012.265 đồng
- Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2023: 24.311.558.539 đồng

Tổng thu ngân sách phường đến hết tháng 9/2023 đạt 24.311,6 triệu đồng, bằng 264,88% KH thành phố giao, bằng 105,53% KH điều chỉnh HĐND phường giao, bằng 172,71% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu trên địa bàn: 13.704,6 triệu đồng, bằng 161,88% KH TP giao, bằng 141,22% KH HĐND phường giao; Thu trợ cấp: 2.920,4 triệu đồng; Thu chuyển nguồn: 7.686,6 triệu đồng.

3. Đánh giá công tác thu ngân sách:

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo địa phương cùng sự nỗ lực của tập thể cán bộ công chức phường đã tập trung thực hiện tốt dự mà HĐND phường giao đầu năm.

II. Kết quả chi ngân sách :

- Chỉ tiêu KH thành phố giao: 9.178.240.000 đồng
- Chỉ tiêu KH HĐND phường giao: 23.037.012.265 đồng

1. Kết quả thực hiện chi ngân sách 9 tháng: 6.192.437.765 đồng

Tổng chi ngân sách phường thực hiện đến hết tháng 9/2023, đạt 6.192,4 triệu đồng, bằng 67,46% KH thành phố giao, bằng 29,06% KH điều chỉnh HĐND phường giao, bằng 113,47% so với cùng kỳ..

Trong đó:

- + Chi XD CB: 305,0 triệu đồng
- + Chi thường xuyên đạt: 5.887,4 triệu đồng;

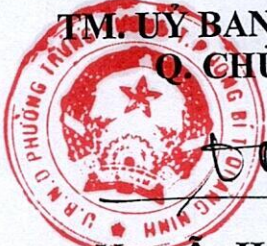
2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách.

Căn cứ dự toán giao đầu năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể, UBND phường đã phối hợp cùng với các ban ngành, đoàn thể và khu dân cư thực hiện tốt các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương.

Nhìn chung, công tác thu - chi ngân sách đã được thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước như: thu đúng thu đủ, có sự nuôi dưỡng nguồn thu, chi đúng, kịp thời đảm bảo tiết kiệm đáp ứng thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động địa phương.

Trên đây là thuyết minh về tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của UBND phường Trưng Vương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quảng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (09 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	23.037.012.265	24.311.558.539	105,53
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	230.000.000	93.680.531	40,73
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	11.392.240.000	13.610.799.204	119,47
3	Thu bổ sung	3.727.060.000	2.920.435.000	78,36
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.226.500.000	2.419.875.000	75,00
	- Bổ sung có mục tiêu	500.560.000	500.560.000	100,00
4	Thu chuyển nguồn	7.686.643.804	7.686.643.804	100,00
5	Thu kết dư	1.068.461		0,00
II	TỔNG SỐ CHI	23.037.012.265	6.192.437.765	26,88
1	Chi đầu tư phát triển	2.776.047.301	305.000.000	10,99
2	Chi thường xuyên	9.357.400.000	5.887.437.765	62,92
3	Dự phòng	10.903.564.964		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (09 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	Tổng số thu	41.672.000.000	23.037.012.265	37.736.843.659	24.311.558.539	90,56	105,53		
I	Các khoản thu 100%	230.000.000	230.000.000	94.073.663	93.680.531	40,90	40,73		
1	Phí, lệ phí	80.000.000	80.000.000	26.152.000	26.152.000	32,69	32,69		
	Phí hộ tịch (2771)								
	Phí chứng thực (2716)	20.000.000	20.000.000	8.442.000	8.442.000	42,21	42,21		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	60.000.000	60.000.000	17.710.000	17.710.000	29,52	29,52		
	Thu từ quỹ đất công ích								
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công								
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất								
3	Thu hồi các khoản chi năm trước								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định (4250)	30.000.000	30.000.000	150.000	150.000	0,50	0,50		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định (4451)								
7	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác (4949)	120.000.000	120.000.000	67.771.663	67.378.531	56,48	56,15		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	41.442.000.000	11.392.240.000	37.642.769.996	13.610.799.204	90,83	119,47		
1	Các khoản thu phân chia	1.392.000.000	1.392.000.000	3.780.134.927	3.780.134.927	271,56	271,56		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800.000.000	800.000.000	355.130.601	355.130.601	44,39	44,39		
	Thu từ đất SXKD phi nông nghiệp (1603)	800.000.000	800.000.000	174.132.083	174.132.083	21,77	21,77		
	Thu từ đất ở tại nông thôn (1601)								
	Thu từ đất ở đô thị (1602)			180.998.518	180.998.518				
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh (2850)	42.000.000	42.000.000	24.500.000	24.500.000	58,33	58,33		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất (2801)	550.000.000	550.000.000	3.400.504.326	3.400.504.326	618,27	618,27		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	40.050.000.000	10.000.240.000	33.862.635.069	9.830.664.277	84,55	98,30		
21	Thu tiền sử dụng đất	16.000.000.000		0	0	0	0		
	Thu tiền đất đai dư, xen kẽ, nhỏ lẻ (1405, 1406)								



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Thu tiền sử dụng đất, đất đầu giá...	16.000.000.000		9.790.973.250		61,19	#DIV/0!
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			16.745.238			
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng (1701)	1.050.000.000	560.000.000	758.780.635	386.978.137	72,26	69,10
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	22.980.000.000	9.430.000.000	23.296.135.946	9.443.686.140	101,38	100,15
	Các khoản TNCH còn lại	21.000.000.000	8.400.000.000	22.184.187.789	8.876.592.554	105,64	105,67
	Thu từ chuyển nhượng bất động sản (1006)	1.500.000.000	760.000.000	770.450.856	392.929.939	51,36	51,70
	Thu nhập từ kinh doanh (hộ KD) (1003)	480.000.000	270.000.000	341.497.301	174.163.647	71,15	64,51
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	20.000.000	10.240.000			0,00	0,00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		7.686.643.804		7.686.643.804		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		1.068.461				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.727.060.000	0	2.920.435.000		78,36
	Bổ sung cân đối ngân sách		3.226.500.000		2.419.875.000		75,00
	Bổ sung có mục tiêu		500.560.000		500.560.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 =	8 = 5/2	9 = 6/3		
	TỔNG CHI	23.037.012.265	2.776.047.301	20.260.964.964	6.192.437.765	305.000.000	5.887.437.765	26,88	10,99	29,06		
	Trong đó:											
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	746.120.000		746.120.000	530.356.550		530.356.550	71,08		71,08		
-	Chi dân quân tự vệ	396.400.000		396.400.000	337.835.550		337.835.550	85,23		85,23		
-	Chi trật tự an toàn xã hội	349.720.000		349.720.000	192.521.000		192.521.000	55,05		55,05		
2	Chi sự nghiệp giáo dục	478.500.000		478.500.000	467.340.000		467.340.000	97,67		97,67		
3	Chi phát thanh, truyền thanh	93.000.000		93.000.000	3.500.000		3.500.000	3,76		3,76		
4	Chi văn hóa, thông tin	85.000.000		85.000.000	38.078.100		38.078.100	44,80		44,80		
5	Chi thể dục, thể thao	55.000.000		55.000.000	44.285.000		44.285.000	80,52		80,52		
6	Chi các hoạt động kinh tế	121.060.000		121.060.000	340.702.758	305.000.000	35.702.758	281,43		29,49		
-	SN Giao thông				235.000.000	235.000.000						
-	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	81.060.000		81.060.000	28.602.758		28.602.758	35,29		35,29		
-	SN Thị chính	20.000.000		20.000.000	72.680.000	70.000.000	2.680.000	363,40		13,40		
-	Các hoạt động kinh tế khác	20.000.000		20.000.000	4.420.000		4.420.000	22,10		22,10		
7	Chi cho công tác xã hội	429.000.000		429.000.000	328.597.480		328.597.480	76,60		76,60		
71	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	246.380.000		246.380.000	156.875.000		156.875.000	63,67		63,67		
72	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, mừng thọ NCT	118.000.000		118.000.000	110.995.000		110.995.000	94,06		94,06		
73	KP thực hiện chế độ, chính sách áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại công đồng	19.620.000		19.620.000	4.150.000		4.150.000	21,15		21,15		
74	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng											
75	Đảm bảo xã hội	45.000.000		45.000.000	56.577.480		56.577.480	125,73		125,73		
8	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.173.350.000		7.173.350.000	4.382.137.877		4.382.137.877	61,09		61,09		
-	Trong đó: Quỹ lương	2.565.070.000		2.565.070.000	1.775.474.191		1.775.474.191	69,22		69,22		
+	Lương CB đoàn thể	509.140.000		509.140.000	347.260.284		347.260.284	68,21		68,21		

[illegible]